

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-06-2023.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Bà Đào Thị Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thu L, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai

**2. Bị đơn:** Ông Đoàn Minh Đ, sinh năm 1998.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông Đ vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu L trình bày:**

Bà và ông Đoàn Minh Đ tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Bà và ông Đ thường xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau và có những lời nói xúc phạm đến danh dự lẫn nhau. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa

giải nhưng không thành. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm của bà và ông Đoàn Minh Đ không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Minh Đ. Bà đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, động viên để vợ chồng về chung sống với nhau nữa vì mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, ông Đ không hợp tác đến Tòa án làm việc nên bà đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

## **2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Đoàn Minh Đ vắng mặt:**

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đ tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L.

**3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án;** việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thu L. Cho bà L được ly hôn với ông Đoàn Minh Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà L khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, vụ án “Ly hôn” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà L cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu L và ông Đoàn Minh Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018 và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà L xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến cãi vã xung đột không hòa giải được. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Minh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng bà L cương quyết ly hôn với ông Đ; ông Đ không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L khai không có, ông Đ không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Đ không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Bà L khai không có, ông Đ không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Thu L được ly hôn với ông Đoàn Minh Đ.

2. Về con chung: Bà L khai không có, ông Đ không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Đoàn Minh Đ không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà L khai không có, ông Đ không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số **0002638 ngày 20/3/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thu L, ông Đoàn Minh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đ, huyện T (Giấy CNKH số 85 ngày 05/12/2018;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tâm**